**KẾ HOẠCH GIÁO DỤC CHỦ ĐỀ: BÉ VÀ CÁC BẠN**

**Thông tin về lớp:**

Tên nhóm: Nhóm trẻ D1

Số lượng trẻ trong nhóm lớp: 15 trẻ

Số giáo viên/ lớp: 2 giáo viên.

Tên giáo viên: Trần Thị Thu Thảo

Nguyễn Thị Kim Loan

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **I. Mục tiêu, nội dung, hoạt động, hình thức tổ chức chăm sóc, nuôi dưỡng** | | | |
| **Mục tiêu** | | **Nội dung trọng tâm cần thực hiện chủ đề** | **Hoạt động, hình thức tổ chức** |
| **MT1:** Trẻ được ăn với chế độ ăn, khẩu phần ăn phù hợp với độ tuổi, đảm bảo năng lượng các bữa ăn và tỷ lệ các chất cung cấp năng lượng theo quy định. Uống nước đầy đủ, đảm bảo vệ sinh. | | - Chế độ ăn đảm bảo nhu cầu cầu khuyến nghị 930-1000Kcal, tại cơ sở giáo dục mầm non/ngày/trẻ: 600-651 Kcal.  - Thực đơn hàng ngày theo tuần, theo mùa, các món ăn của thực đơn không lặp lại trong 2 - 4 tuần.  - Khẩu phần ăn cho trẻ ở các độ tuổi đáp ứng nhu cầu dinh dưỡng theo quy định:  + Yêu cầu tối thiểu*:* *Năng lượng phân phối cho các bữa ăn:*Bữa ăn buổi trưa cung cấp từ 30% đến 35% năng lượng cả ngày. Bữa ăn buổi chiều cung cấp từ 25% đến 30% năng lượng cả ngày. Bữa phụ cung cấp khoảng 5% đến 10% năng lượng cả ngày.  + *Tỉ lệ dinh dưỡng duy trì ở mức*: P: 13 - 20%, L: 30 - 40%, G: 47- 50%;  - Ăn đủ 2 bữa chính, 1 bữa phụ, ăn hết suất ăn.  - Uống nước đủ: từ 0,8-1,6 lít/ trẻ/ ngày/(bao gồm nước uống và ăn), đảm bảo đủ nước ấm cho trẻ uống vào mùa đông.  . | **- Giờ ăn:**  + Tổ chức cho trẻ ăn bữa chính và bữa phụ.  + Hoạt động ăn Buffet hằng tháng.  + Rèn khả năng tự phục vụ trong giờ ăn (kê bàn ghế, lau bàn…v..v)  + Cho trẻ sử dụng riêng đồ dùng cá nhân, không xúc đồ ăn sang bát bạn... |
| **MT2:** Trẻ được ngủ đủ giấc theo nhu cầu độ tuổi. | | - Trẻ ngủ đủ giấc buổi trưa theo nhu cầu độ tuổi khoảng 150 phút.  - Phòng ngủ vệ sinh sạch sẽ, đảm bảo các điều kiện thời tiết và an toàn trong khi ngủ cho trẻ. | + Tổ chức cho trẻ ngủ: Trẻ cùng cô kê giường, lấy gối chuẩn bị cho giờ ngủ.  + Rèn thói quen nằm đúng chỗ, nằm ngay ngắn, không gây ồn làm ảnh hưởng đến giấc ngủ của bạn. |
| **MT3:** Trẻ được đảm bảo vệ sinh cá nhân, vệ sinh môi trường ở lớp. | | - Vệ sinh cá nhân đúng cách:  + Rửa tay trước khi ăn và sau khi đi vệ sinh, sau khi tham gia các hoạt động...  + Rửa mặt  + Đi vệ sinh đúng nơi quy định.  - Vệ sinh môi trường:  + Vệ sinh phòng nhóm, đồ dùng, đồ chơi hàng ngày, hàng tuần, hàng tháng. | - Hoạt động VS: Tổ chức cho trẻ vệ sinh cá nhân: Cho trẻ rửa tay đúng cách trước và sau khi ăn, sau khi đi vệ sinh; lau miệng sau khi ăn và rửa mặt sau khi ngủ dậy...v...v.  + Cô cho trẻ quan sát hai phòng vệ sinh nam và nữ (biển hiệu hai phòng).  + Cô tổ chức và hướng dẫn trẻ cách đi vệ sinh đúng nơi quy định, biết đi xong giội, giật nước cho sạch sau khi sử dụng.  - Tích hợp trong các hoạt động của trẻ:  + Giáo dục trẻ biết được lợi ích của việc giữ gìn vệ sinh cá nhân (rửa tay, chân…trước và sau khi ăn)  + Trong hoạt động vệ sinh cá nhân: sau các giờ học cho trẻ đi vệ sinh cá nhân, sau khi chơi, trước và sau khi ăn. |
| **MT4:**  Trẻ được chăm sóc sức khỏe định kỳ. Theo dõi, đánh giá sự phát triển của cân nặng và chiều cao theo lứa tuổi. Phòng chống suy dinh dưỡng, béo phì  - Cân nặng và chiều cao nằm trong kênh A  Trẻ 24 tháng:  +Trẻ trai: Cân nặng: 9,7 đến 15,3 (kg)  Chiều cao: 81,7 đến 93.9cm  +Trẻ gái: Cân nặng: 9,1 đến 14,8 (kg)  Chiều cao: 80,0 đến 92,9cm  - Trẻ 36 tháng:  + Trẻ trai: Cân nặng: 11,3 đến 18,3 (kg)  Chiều cao: 88,7 đến 103,5cm  + Trẻ gái: Cân nặng: 10,8 đến 18,1 (kg)  Chiều cao: 87,4 đến 102,7cm | | - Khám sức khỏe định kỳ (02 lần/năm). Theo dõi, đánh giá sự phát triển của cân nặng và chiều cao theo lứa tuổi (3 lần/năm). Phòng chống suy dinh dưỡng, béo phì.  - Đối với trẻ suy dinh dưỡng cân đo 1 tháng/lần;  - Đánh giá tình trạng sức khỏe của trẻ trên biểu đồ chính xác;  - Theo dõi và đánh giá sức khỏe hàng ngày.  - Phòng tránh các bệnh thường gặp (tay chân miệng, các dịch bệnh theo mùa: cúm A,B, bệnh thủy đậu…). Theo dõi tiêm chủng.  - Bảo vệ an toàn và phòng tránh một số tai nạn thường gặp như:**tai nạn do sặc nước; do chấn thương; do ngạt trong khi ngủ; do dị ứng thức ăn, do điện giật…** | - Hoạt động đón, trả trẻ; chơi; vệ sinh; giờ ăn:  + Tích hợp trong các hoạt động: GV hướng dẫn trẻ nhận biết 1 số biểu hiện khi ốm, giáo dục trẻ có thói quen rửa tay bằng xà phòng trước khi ăn và khi tay bẩn, thực hiện các biện pháp phòng chống dịch bệnh khi thời tiết chuyển mùa. Tuyên truyền PH tiêm chủng đầy đủ cho trẻ; phòng chống các bệnh giao mùa: thủy đậu, tay- chân- miệng, sốt xuất huyết...GD trẻ việc mặc quần áo phù hợp với giới tính, thời tiết.  + Tích hợp trong hoạt động ngoài trời: Cho trẻ trải nghiệm quan sát thời tiết trong ngày;  + Giờ đón, trả trẻ: Cho trẻ thực hiện đeo khẩu trang...  - Tích hợp trong các hoạt động trong ngày của trẻ như: HĐ học, HĐ chơi, ngoài trời...  + Cho trẻ nhận biết và giáo dục trẻ cách phòng tránh những nơi nguy hiểm, không an toàn,… biết chơi ở những nơi sạch và an toàn, có thể nói được mối nguy hiể khi chơi ở nhưng nơi đó. |
| **MT5:** Phòng tránh các bệnh thường gặp. Tiêm chủng theo quy định. | | - Phòng tránh các bệnh thường gặp (tay chân miệng, các dịch bệnh theo mùa: cúm A,B, sốt xuất huyết, covid - 19, bệnh thủy đậu…).  - Tiêm chủng: uống các loại Vitamin, tiêm chủng theo chương trình của Bộ Y tế. | - Hoạt động đón, trả trẻ; chơi; vệ sinh; giờ ăn:  + Tích hợp trong các hoạt động: GV hướng dẫn trẻ nhận biết 1 số biểu hiện khi ốm, giáo dục trẻ có thói quen rửa tay bằng xà phòng trước khi ăn và khi tay bẩn, thực hiện các biện pháp phòng chống dịch bệnh khi thời tiết chuyển mùa. Tuyên truyền PH tiêm chủng đầy đủ cho trẻ; phòng chống các bệnh giao mùa: thủy đậu, tay- chân- miệng, sốt xuất huyết...GD trẻ việc mặc quần áo phù hợp với giới tính, thời tiết. |
| **MT6:** Trẻ được đảm bảo phòng tránh một số tai nạn thương tích. | | - Môi trường giáo dục đảm bảo an toàn, phòng tránh tai nạn thương tích cho trẻ.  - Bảo vệ an toàn và phòng tránh một số tai nạn thường gặp như: T**ai nạn do sặc nước; hóc nghẹn, dị ứng thức ăn, do chấn thương, do ngạt trong khi ngủ, do điện giật, cháy nổ…** | - Tích hợp trong các hoạt động trong ngày của trẻ như: HĐ học, HĐ chơi, ngoài trời...  + Cho trẻ nhận biết và giáo dục trẻ cách phòng tránh những nơi nguy hiểm, không an toàn,… biết chơi ở những nơi sạch và an toàn, có thể nói được mối nguy hiểm khi chơi ở nhưng nơi đó. |
| **II. Mục tiêu giáo dục** | | | |
| **Mục tiêu GD trong chủ đề** | **Nội dung giáo dục**  **trong chủ đề** | | **Dự kiến các hoạt động** |
| **PHÁT TRIỂN THỂ CHẤT** | | | |
| **MT 7:** Trẻ thực hiện được các động tác trong bài tập thể dục: hít thở, tay, lưng/bụng và chân. | - Hô hấp: Tập hít vào, thở ra.  - Tay: Giơ cao, đưa ra phía trước, đưa sang ngang, đưa ra sau kết hợp với lắc bàn tay.  - Lưng, bụng, lườn: Cúi về phía trước, nghiêng người sang hai bên, vặn người sang hai bên.  - Chân: Ngồi xuống đứng lên co duỗi chân. | | - Thể dục sáng  - HĐ vận động |
| **MT 10:** Trẻ biết phối hợp tay, chân, cơ thể trong khi bò để giữ được vật đặt trên lưng. | - Tập bò, trườn:  + Bò thẳng hướng và có vật trên lưng  + Bò trong đường ngoằn ngoèo.  + Bò trong đường hẹp.  + Bò chui qua cổng  + Bò, trườn qua vật cản. | | - **HĐ chơi, tập có chủ đích:**  + **Vận động cơ bản:** Bò chui qua cổng  **TCVD**: Về đúng nhà  + Trườn qua vật cản  **TCVD**: Đuổi bóng |
| **MT 11**: Trẻ thể hiện sức mạnh của cơ bắp trong vận động ném, đá bóng: ném xa lên phía trước bằng một tay (tối thiểu 1,5 m); vận động bật. | + Ném xa lên phía trước bằng một tay (tối thiểu 1,5m).  + Ném bóng về phía trước  + Ném bóng vào đích  - Tập nhún bật:  + Bật tại chỗ.  + Bật qua vạch kẻ. | | + **VĐCB**: Bật tại chỗ  **TCVD**: Đuổi bóng  - Hoạt động góc  - Kết hợp vào các hoạt động trong ngày |
| **MT 17**: Trẻ làm được một số việc với sự giúp đỡ của người lớn (lấy nước, đi vệ sinh...); | - Tập tự phục vụ: Xúc cơm, uống nước, cất ba lô, bê ghế,  + Tập nói với người lớn khi có nhu cầu ăn, ngủ, đi vệ sinh.  + Chuẩn bị chỗ ngủ.  + Tập một số thao tác đơn giản trong rửa tay, lau mặt.  *-* Thực hiện được một số kĩ năng thực hành cuộc sống đơn giản: biết cởi cúc - cài cúc; Bê khay; Chuyển đồ chơi, chuyển hạt bằng tay, bằng thìa, bằng kẹp; Lấy tăm và thả tăm; Vặn mở nắp chai; Chuyển nước bằng ống bóp, bằng mút xốp. | | - Giáo dục trẻ trong các giờ ăn, ngủ, vệ sinh hàng ngày, mọi lúc mọi nơi. |
| **MT 14:** Trẻ biết thích nghi với chế độ ăn cơm, ăn được các loại thức ăn khác nhau. | - Làm quen với chế độ ăn cơm và ăn các loại thức ăn khác nhau.  - Tập luyện nề nếp, thói quen tốt trong ăn uống.  - Luyện một số thói quen tốt trong sinh hoạt: Ăn chín, rửa tay trước khi ăn, lau mặt, lau miệng, uống nước sau khi ăn, vứt rác đúng nơi quy định. | | - Hoạt động ăn trưa,quà chiều  - Hoạt động ngủ trưa |
| **PHÁT TRIỂN NHẬN THỨC** | | | |
| **MT 22.6:** Biêt một số màu cơ bản, kích thước, hình dạng, số lượng, vị trí trong không gian | - Màu đỏ, vàng, xanh và một số màu khác  - Kích thước to - nhỏ, nặng - nhẹ  - Hình tròn, hình vuông.  - Số lượng một - nhiều.  - Vị trí trong không gian (trên - dưới, trước - sau) so với bản thân trẻ. | | - **Nhận biết tập nói**: Nhận biết màu đỏ.  - **NBTN**: Nhận biết hình tròn.  - Kết hợp trò chuyện cùng bé HĐ chiều. |
| **MT 22.4:** Nói đựợc tên và chức năng của 1 số bộ phận cơ thể khi được hỏi. | - Biết tên, chức năng chính một số bộ phận của cơ thể: mắt, mũi, miệng, tai, tay, chân, ghép tranh tạo một số bộ phận của cơ thể  - Yêu thương bản thân, tự hào, trân trọng về cơ thể của mình và của người khác  - Hành động bảo vệ cơ thể của bản thân, của người khác. | | -**NBTN**: khuôn mặt đáng yêu của bé. |
| **PHÁT TRIỂN NGÔN NGỮ** | | | |
| **MT 23:** Trẻ thực hiện được nhiệm vụ gồm 2 - 3 hành động. | - Nghe và thực hiệc các yêu cầu bằng lời nói. Ví dụ: “Cháu cất đồ chơi lên giá rồi đi rửa tay”. | | - Giáo dục trẻ thông qua các hoạt động GDKN, chơi tập buổi chiều |
| **MT 25:** Trẻ hiểu nội dung truyện ngắn, đơn giản: trả lời được các câu hỏi về tên truyện, tên và hành động của các nhân vật. | - Nghe các bài thơ, đồng dao, ca dao, hò vè, câu đố, bài hát và truyện ngắn. | | - **Văn học:**  - Truyện: Đôi bạn tốt |
| **MT 27:** Trẻ đọc được bài thơ, ca dao, đồng dao với sự giúp đỡ của cô giáo. | - Đọc các đoạn thơ, bài thơ ngắn có câu 3 - 4 tiếng.  - Kể lại đoạn truyện được nghe nhiều lần, có gợi ý.  - Có khả năng cảm nhận vần điệu, nhịp điệu của câu thơ và ngữ điệu lời nói. | | - Thơ: Bạn mới  - Thơ: Giờ ăn |
| **MT 31:** Trẻ hứng thú với sách. | - Lắng nghe người lớn khi người lớn đọc sách.  - Xem tranh và gọi tên các nhân vật, sự vật, hành động gần gũi trong tranh. | | - **Hoạt động: Chơi tập buổi** **chiều**: chơi trò chơi cùng cô. |
| **PHÁT TRIỂN TÌNH CẢM VÀ KỸ NĂNG XÃ HỘI** | | | |
| **MT 34:** Trẻ nhận biết được trạng thái cảm xúc: vui, buồn, sợ hãi. | - Nhận biết và thể hiện một số trạng thái cảm xúc: vui, buồn, tức giận. | | **-** Dạy trẻ mọi lúc mọi nơi, trong các hoạt động trong ngày. |
| **MT 37:** Trẻ biết biểu lộ thích giao tiếp với người khác bằng cử chỉ, lời nói. | - Giao tiếp với những người xung quanh.  - Chơi thân thiện với bạn: chơi cạnh bạn, không tranh giành đồ chơi với bạn.  - Thực hiện yêu cầu đơn giản của giáo viên. | | **- Hoạt động với đồ vật**  - Xếp đường đi |
| **MT 40:** Trẻ biết chơi thân thiện cạnh trẻ khác. | - Chơi thân thiện với bạn: chơi cạnh bạn, không tranh giành đồ chơi với bạn.  - Mạnh dạn, thân thiện, hòa đồng với các bạn và mọi người. | | **- Hoạt động với đồ vật:**  **-** Xâu vòng tặng cô  **-** Xâu vòng hoa |
| **MT 42:** Trẻ biết hát và vận động đơn giản theo một vài bài hát/bản nhạc quen thuộc. | - Nghe hát, nghe nhạc với các giai điệu khác nhau; nghe âm thanh của các nhạc cụ.  - Hát và tập vận động đơn giản theo nhạc. | | **Âm nhạc:** Vận động theo nhạc: Cả nhà thương nhau  TCAN: Tai ai tinh  Qua các góc âm nhạc, nghệ thuật. |
| **MT 43:** Trẻ thích tô màu, vẽ, nặn, xé, xếp hình, xem tranh (cầm bút, di màu, vẽ nguệch ngoạc) | - Vẽ các đường nét khác nhau, di màu, nặn, xé, vò, xếp hình,  - Xem tranh ảnh có màu sắc nổi bật, các quyển sách với hình ảnh phong phú, sinh động về con người,và các hoạt động quen thuộc, gần gũi với trẻ (người thân, cây, hoa, nhà cửa, đồ dùng, đồ chơi gần gũi, nắng, mưa, gió thổi cây nghiêng...) | | \* **Làm quen tạo hình**:  - Di màu cái bút  - Di màu khuôn mặt của bé  - Chơi với đồ chơi, hoạt động theo ý thích  - Chơi, tập buổi chiều |
| **Tổng 22 mục tiêu giáo dục** | | | |

**III. Điều kiện thực hiện:**

**\* Môi trường cho trẻ hoạt động trong lớp:**

- Trang trí lớp học theo chủ đề: “Bé và các bạn” Bộ tranh truyện nhà trẻ (MN 122058, Bìa các màu

(MN 233091)

- Dự kiến các góc chơi và chuẩn bị đồ dùng đồ chơi tại các góc:

**1. Góc phân vai**: Bộ đồ chơi nấu ăn (MN342049) Bộ dụng cụ bác sỹ (MN232070) Bộ dinh dưỡng (MN2330930); Búp bê bé trai (MN122039), bé gái (MN122040).

**2. Góc xây dựng**: Gạch xây dựng mở rộng (MN233092) Hàng rào (MN232042) Khối hình (MN232065)

**3. Góc nghệ thuật**: Bút, sáp màu, phấn vẽ, bút chì màu.(MN232079) Trống lắc (MN232077), Dụng cụ gõ đệm theo phách nhịp (MN342089), Xắc xô (MN232073), Bìa các màu (MN233091)

**4. Góc học tập, sách**: Bộ tranh tuyện nhà trẻ MN122058), Bìa các màu (MN233091), Bút sáp màu (MN232079), Bảng con (MN342077).

***\* Đồ chơi tự tạo:***

+ Góc phân vai: Người lái xe, cảnh sát giao thông

+ Góc nghệ thuật: Các dụng cụ âm nhạc tự tạo đàn ghita, trống, phách tre..

+ Góc thiên nhiên: đồ dùng tưới cây bằng chai lọ nhưạ....

+ Góc học tập: Các loại đồ chơi tự tạo cho trẻ chơi, con rối,

***\* Nguyên vật liệu mở:***

+ Góc tạo hình : Vỏ hộp, tranh ảnh hoạ báo, lá cây, quả thông khô, xốp, bìa catton, hột, hạt, lõi giấy, nắp chai, vỏ hộp sữa, ống hút, tăm bông,...

+ Góc học tập: họa báo, lịch cũ, sách cũ, tranh chuyện sưu tầm.

+ Góc thiên nhiên: Cát sỏi, nước, vật nổi chìm, hột hạt.

**1. Môi trường cho trẻ hoạt động ngoài lớp học:**

***- Đồ dùng đồ chơi danh mục tối thiểu (theo Thông tư 02):*** Đồ chơi Vòng thể dục to, vòng thể dục nhỏ, gậy thể dục nhỏ (MN562023->MN562025); Cổng chui, Gậy thể dục to, Cột ném bóng, Bóng các loại,

**2. Nội dung tuyên truyền phối hợp với Phụ huynh học sinh.**

- Kế hoạch chăm sóc, giáo dục trẻ tuần 05 đến tuần 07

- Tuyên truyền phụ huynh phòng tránh , dịch đau mắt đỏ, sốt xuất huyết, tay- chân- miệng; Tuyên truyền phụ huynh và học sinh thực hiện nghiêm chỉnh quy định và luật lệ giao thông: đi xe máy phải đội mũ bảo hiểm.

- Giáo viên phối kết hợp với phụ huynh chuẩn bị các phế liệu để tạo môi trường lớp học theo chủ đề : Bé và các bạn.

- Cô bố trí sắp xếp các đồ dùng đồ chơi ngoài trời khu vui chơi thể chất, khu vực tập thể dục, khu chơi trò chơi vận động, khu chơi với cát, nước, đu quay , xích đu cầu trượt… phù hợp an toàn cho trẻ. Cho trẻ tham gia vào các hoạt động vệ sinh sân trường như: nhặt lá rơi, lau lá cây, tưới cây. Dạo chơi sân trường, thăm các khu vực trong nhà trường.

**KẾ HOẠCH GIÁO DỤC TUẦN 05**

**Chủ đề nhánh 1: Các bạn của bé ở lớp**

**Thời gian thực hiện: Từ ngày 07/10/2024 đến ngày 11/10/2024**

**Tên/ nhóm lớp: Nhóm trẻ D1**

**Số lượng trẻ trong nhóm lớp: 15 trẻ**

**Số giáo viên/ lớp: 2 giáo viên.**

**Tên giáo viên: Trần Thị Thu Thảo + Nguyễn Thị Kim Loan**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Ngày**  **Hoạt động** | **Thứ 2**  **07/10/2024** | **Thứ 3**  **08/10/2024** | **Thứ 4**  **09/10/2024** | | **Thứ 5**  **10/10/2024** | | **Thứ 6**  **11/10/2024** | |
| **Đón trẻ, chơi, trò chuyện** | - Đón trẻ vào lớp, hướng dẫn trẻ cất đồ dùng cá nhân đúng nơi quy định, trò chuyện với phụ huynh về đặc điểm tâm sinh lí của trẻ, những thói quen của trẻ ở nhà.  - Cho trẻ chơi tự do theo ý thích  - Trò chuyện, cho trẻ kể về bé và các bạn  - Điểm danh trẻ tới lớp. | | | | | | | |
| **Thể dục sáng** | -Thứ 2, 4, 6 tập theo bài hát tháng 10 trong đĩa thể dục.  - Thứ 3,5, tập theo động tác với vòng, gậy  **\*.Khởi động**: Xoay cổ tay, bả vai, eo, gối.  **\*.Trọng động:**  - Hô hấp: Máy bay  - Tay vai: Đưa hai tay ra trước sang ngang  - Chân: Đứng khuỵu chân trước chân sau  - Bụng: Đưa hai tay lên cao cúi gập người về trước  - Bật: Bật luân phiên chân trước chân sau.  **\*. Hồi tĩnh:** Đi lại xung quanh sân nhẹ nhàng. | | | | | | | |
| **Chơi, tập có chủ đích** | **Vận động cơ bản:** Trườn qua vật cản  **TCVD:** Đuổi bóng | **Nhận biết tập nói:**  Nhận biết màu đỏ | **Làm quen với tạo hình:** Di màu cái bút | | **Hoạt động với đồ vật:** Xếp đường đi | | **Văn học:**  Thơ: Bạn mới. | |
| **Chơi với đồ chơi, hoạt động theo ý thích** | **\* Góc phân vai**:  - Chăm sóc em bé  **\* Góc nghệ thuật**:  - Chơi cùng dụng cụ âm nhạc  **\* Góc hoạt động với đồ vật:**  - Luồn hạt,xếp bàn ghế, nhà.  **\* Góc sách truyện:**  - Kể chuyện theo tranh | | | | | | | |
| **Ăn, ngủ** | - Tổ chức vệ sinh cá nhân: (Rèn kĩ năng rửa tay đúng cách trước và sau khi ăn, sau khi đi vệ sinh lau miệng sau khi ăn)  - Tổ chức cho trẻ ăn: Rèn khả năng nhận biết tên các món ăn, cách sử dụng bát, thìa, ca  - Tổ chức cho trẻ ngủ: Rèn thói quen nằm đúng chỗ, nằm ngay ngắn… | | | | | | | |
| **Chơi tập buổi chiều** | **\*Trò chơi:** Tập tầm vông  **\* Hoạt động:**  Nhận biết khăn có ký hiệu của bản thân  **\* Chơi tự chọn** | **\* Trò chơi:** Thả thuyền giấy  **\* Hoạt động:** GDKNS**:** Rèn kỹ năng cất dép  **\* Chơi tự chọn** | | **\* Trò chơi:** Bật nhảy theo nhạc  **\* Hoạt động:**  Trò chuyện về đồ dùng cá nhân của bé  **\* Chơi tự chọn** | | **\* Trò chơi:** Dung dăng dung dẻ  **\* Hoạt động:**  Xem sách truyện  **\* Chơi tự chọn** | | **\* Trò chơi:**  Đu quay  **\* Hoạt động:**  Biểu diễn văn nghệ cuối chủ đề  **\* Chơi tự chọn** |
| - Xếp dọn đồ chơi (rèn thói quen cất đồ dùng đồ chơi gọn gàng), nêu gương cuối ngày | | | | | | | |
| **Trẻ chuẩn bị ra về và trả trẻ** | - Trả trẻ.  - Biết lấy đồ dùng cá nhân đúng nơi quy định, lễ phép chào cô, bạn ra về.  - Trao đổi với phụ huynh về tình hình của trẻ và các hoạt động của trẻ trong ngày. | | | | | | | |
| **Đánh giá** | - Có phụ lục kèm theo | | | | | | | |

**KẾ HOẠCH GIÁO DỤC TUẦN 06**

**Chủ đề nhánh 2: Đồ dùng trong lớp của bé**

**Thời gian thực hiện: Từ ngày 14/10/2024 đến ngày 18/10/2024**

**Tên/ nhóm lớp: Nhóm trẻ D1**

**Số lượng trẻ trong nhóm lớp: 15 trẻ**

**Số giáo viên/ lớp: 2 giáo viên.**

**Tên giáo viên: Trần Thị Thu Thảo + Nguyễn Thị Kim Loan**

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Ngày**  **Hoạt động** | **Thứ 2**  **14/10/2024** | **Thứ 3**  **15/10/2024** | **Thứ 4**  **16/10/2024** | **Thứ 5**  **17/10/2024** | | **Thứ 6**  **18/10/2024** |
| **Đón trẻ, chơi, trò chuyện** | - Đón trẻ vào lớp, hướng dẫn trẻ cất đồ dùng cá nhân đúng nơi quy định, trò chuyện với phụ huynh về đặc điểm tâm sinh lí của trẻ, những thói quen của trẻ ở nhà.  - Cho trẻ chơi tự do theo ý thích  - Trò chuyện, cùng trẻ kể về *“Đồ dùng trong lớp của bé”*  - Điểm danh trẻ tới lớp. | | | | | |
| **Thể dục sáng** | *(*Thứ 2,4,6 tập theo bài hát tháng 10 trong đĩa thể dục. Thứ 3,5, tập theo động tác với vòng, gậy)  **\*. Khởi động**:  Xoay cổ tay, bả vai, eo, gối  **\*. Trọng động:**  - Hô hấp: Máy bay  - Tay vai: Tay đưa ngang lên cao  - Chân: Ngồi khuỵu gối.  - Bụng: Đứng nghiêng người sang hai bên  - Bật: Bật liên tục tại chỗ  **\* Hồi tĩnh:** Đi lại xung quanh sân nhẹ nhàng. | | | | | |
| **Chơi, tập có chủ đích** | **Vận động cơ bản:**  Bật tại chỗ  **TCVĐ:**Thi ai chọn nhanh | **Nhận biết tập nói:** Nhận biết hình tròn. | **Vận động theo nhạc:** Cả nhà thương nhau  **TCAN:** Tai ai tinh | **Hoạt động với đồ vật:** Xâu vòng tặng cô | | **Văn học:**  Truyện: Đôi bạn tôt |
| **Chơi với đồ chơi, hoạt động theo ý thích** | **\* Góc phân vai**:  - Tắm cho em bé, pha nước chanh  **\* Góc nghệ thuật**:  - Chơi cùng dụng cụ âm nhạc  **\* Góc xây dựng**:  - Xếp trường, xây khu vườn.  **\* Góc hoạt động với đồ vật**:  - Lồng hộp, thả hình  **\* Góc sách:**  - Kể chuyện theo tranh về chủ đề | | | | | |
| **Ăn, ngủ** | - Tổ chức vệ sinh cá nhân: (Rèn kĩ năng rửa tay đúng cách trước và sau khi ăn, sau khi đi vệ sinh lau miệng sau khi ăn)  - Tổ chức cho trẻ ăn: Rèn khả năng nhận biết tên các món ăn, cách sử dụng bát, thìa, ca  - Tổ chức cho trẻ ngủ: Rèn thói quen nằm đúng chỗ, nằm ngay ngắn… | | | | | |
| **Chơi tập buổi chiều** | **- Trò chơi:**  Kéo co  **- Hoạt động:** Cho trẻ chơi xâu  hoa màu xanh, đỏ,  - **Chơi tự chọn** | **- Trò chơi:**  Ném bóng  **- Hoạt động:**  GDKN: Kỹ năng bê ghế  - **Chơi tự chọn** | **- Trò chơi:**  Bắt bướm  **- Hoạt động:**  Kể chuyện bé nghe  - **Chơi tự chọn** | **- Trò chơi:**  Ném trúng đích  **- Hoạt động:**  Bé kể chuyện cùng cô  **- Chơi tự chọn** | **- Trò chơi:**  Thổi bóng  **- Hoạt động:** Trò chuyện về môi trường xanh  **- Chơi tự chọn** | |
| - Xếp dọn đồ chơi (rèn thói quen cất đồ dùng đồ chơi gọn gàng), nêu gương cuối ngày | | | | | |
| **Trẻ chuẩn bị ra về và trả trẻ** | - Trả trẻ. (rèn thói quen cất đồ dùng đồ chơi gọn gàng)  - Biết lấy đồ dùng cá nhân đúng nơi quy định, lễ phép chào cô, bạn ra về.  - Trao đổi với phụ huynh về tình hình học tập, sức khoẻ của trẻ, và các hoạt động của trẻ trong ngày. | | | | | |
| **Đánh giá** | - Có phụ lục kèm theo | | | | | |

**KẾ HOẠCH GIÁO DỤC TUẦN 07**

**Chủ đề nhánh 3: Bé và các bạn cùng chơi**

**Thời gian thực hiện: Từ ngày 21/10/2024 đến ngày 25/10/2024**

**Tên/ nhóm lớp: Nhóm trẻ D1**

**Số lượng trẻ trong nhóm lớp: 15 trẻ**

**Số giáo viên/ lớp: 2 giáo viên.**

**Tên giáo viên: Trần Thị Thu Thảo + Nguyễn Thị Kim Loan**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Ngày**  **Hoạt động** | **Thứ 2**  **21/10/2024** | **Thứ 3**  **22/102024** | **Thứ 4**  **23/10/2024** | **Thứ 5**  **24/10/2024** | **Thứ 6**  **25/10/2024** |
| **Đón trẻ, chơi, trò chuyện** | - Đón trẻ vào lớp, hướng dẫn trẻ cất đồ dùng cá nhân đúng nơi quy định, trò chuyện với phụ huynh về đặc điểm tâm sinh lí của trẻ, những thói quen của trẻ ở nhà.  - Cho trẻ chơi tự do theo ý thích  - Trò chuyện, cùng trẻ kể về *“Bé và các bạn cùng chơi”*  - Điểm danh trẻ tới lớp. | | | | |
| **Thể dục sáng** | (Thứ 2,4,6 tập theo bài hát tháng 10 trong đĩa thể dục. Thứ 3,5, tập theo động tác với vòng, gậy)  **\*. Khởi động**:  Xoay cổ tay, bả vai, eo, gối  **\*. Trọng động:**  - Hô hấp: Máy bay  - Tay vai: Tay đưa ngang lên cao  - Chân: Ngồi khuỵu gối.  - Bụng: Đứng nghiêng người sang hai bên  - Bật: Bật liên tục tại chỗ  **\* Hồi tĩnh:** Đi lại xung quanh sân nhẹ nhàng. | | | | |
| **Chơi, tập có chủ đích** | **Vận động cơ bản:**  Bò chui qua cổng  **TCVD:** Về đúng nhà | **Nhận biết tập nói:**  Khuôn mặt đáng yêu của bé | **Làm quen với tạo hình:** Di màu khuôn mặt của bé | **Hoạt động với đồ vật:**  Xâu vòng hoa | **Văn học:**  Thơ: Giờ ăn |
| **Chơi với đồ chơi, hoạt động theo ý thích** | **\* Góc phân vai**:  - Bé làm cô giáo  **\* Góc nghệ thuật**:  - Tô màu chiếc mũ  **\* Góc xây dựng**:  - Xây ngôi nhà bé thích  **\* Góc hoạt động với đồ vật**:  - Ghép khối hình  **\* Góc sách:**  - Xem tranh bé vui chơi | | | | |
| **Ăn, ngủ** | - Tổ chức vệ sinh cá nhân: (Rèn kĩ năng rửa tay đúng cách trước và sau khi ăn, sau khi đi vệ sinh lau miệng sau khi ăn)  - Tổ chức cho trẻ ăn: Rèn khả năng nhận biết tên các món ăn, cách sử dụng bát, thìa, ca  - Tổ chức cho trẻ ngủ: Rèn thói quen nằm đúng chỗ, nằm ngay ngắn… | | | | |
| **Chơi tập buổi chiều** | **- Trò chơi:**  Kéo co  **- Hoạt động:** Cho trẻ chơi xâu  hoa màu xanh, đỏ,    - **Chơi tự chọn** | **- Trò chơi:**  Ném bóng  **- Hoạt động:**Rèn cho trẻ nề nếp kh i ngồi trong lớp học  - **Chơi tự chọn** | **- Trò chơi:**  Bắt bướm  **- Hoạt động:**  Kể chuyện bé nghe  - **Chơi tự chọn** | **- Trò chơi:**  Ném trúng đích  **- Hoạt động:**  Xem tranh về các bạn của bé  **- Chơi tự chọn** | **- Trò chơi:**  Thổi bóng  **- Hoạt động:** Trò chuyện về đôi bàn tay  **- Chơi tự chọn** |
| - Xếp dọn đồ chơi (rèn thói quen cất đồ dùng đồ chơi gọn gàng), nêu gương cuối ngày | | | | |
| **Trẻ chuẩn bị ra về và trả trẻ** | - Trả trẻ. (rèn thói quen cất đồ dùng đồ chơi gọn gàng)  - Biết lấy đồ dùng cá nhân đúng nơi quy định, lễ phép chào cô, bạn ra về.  - Trao đổi với phụ huynh về tình hình học tập, sức khoẻ của trẻ, và các hoạt động của trẻ trong ngày. | | | | |
| **Đánh giá** | - Có phụ lục kèm theo | | | | |

**IV. Đánh giá kết quả thực hiện chủ đề (Có phụ lục kèm theo)**

|  |  |
| --- | --- |
| **Duyệt ngày tháng năm 2024**  **T/M BAN GIÁM HIỆU**  **PHÓ HIỆU TRƯỞNG**  **Nguyễn Thị Mai Phương** | **NGƯỜI LẬP KẾ HOẠCH**  **Trần Thị Thu Thảo**  **Nguyễn Thị Kim Loan** |